

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 4 -2026
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Dũng
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Tăng Phan Nhật Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa: 60/2026/QĐ – ST ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm K, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Ngô Trúc P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm K, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày và yêu cầu như sau: Bà và ông Trúc P sau thời gian tìm hiểu và được sự chấp thuận của gia đình hai bên, hai người tự nguyện tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thị xã T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/6/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một thời gian giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm sống, ông P không lo cho gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 1 năm.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Trúc P1.

Về con chung: Bà và ông Võ Trúc P1 có 02 con chung tên Ngô Bảo T1, sinh ngày 10/11/2003 và Ngô Bảo C, sinh ngày 30/11/2005 đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và tự lo cho cuộc sống của mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Trúc P1 vắng mặt nên không có lời trình bày và yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Vĩnh Long phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Ngô Trúc P.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Ngô Trúc P là tự nguyện, hai người có đăng ký kết hôn số 42, ngày 28/6/2004, tại Ủy ban nhân dân phường D1, thị xã T, tỉnh Trà Vinh, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây khoảng hơn một năm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mời ông P đến hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông P không có thiện chí hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, từ khi ly thân đến nay hai bên không tạo điều kiện để cải thiện quan hệ vợ chồng, cùng nhau

xây dựng hạnh phúc gia đình, chứng tỏ hai người không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà T xin được ly hôn với ông P là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống với nhau ông P và bà T có 02 con chung tên Ngô Bảo T1, sinh ngày 10/11/2003 và Ngô Bảo C, sinh ngày 30/11/2005. Xét thấy hiện nay Ngô Bảo T1 và Ngô Bảo C đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và tự lo cho cuộc sống của mình và nguyên đơn không có yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thanh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Vị kiểm sát viên về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Ngô Trúc P.

2. Về con chung: có 02 con chung Ngô Bảo T1, sinh ngày 10/11/2003 và Ngô Bảo C, sinh ngày 30/11/2005 đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và tự lo cho cuộc sống của mình và nguyên đơn không có yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thanh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0013036, ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn D – Thạch Thị Mỹ Kim

Huỳnh Kim Triều

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 10;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

Huỳnh Kim Triều